

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/DS-ST
Ngày: 11-5-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;
2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Nam Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 932/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Ngọc Thùy D, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Đường H, phường Q, thành phố Q1, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Vợ chồng ông Hà Văn L, sinh năm 1975 (có mặt) – bà Trần Thị H1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Nhơn Hạnh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn H2, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số nhà 106A Hoàng Văn Thụ, phường Q, thành phố Q1, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Ngọc Thùy D trình bày:

Ngày 30/12/2020 (âm lịch), bà có cho vợ chồng ông Hà Văn L bà Trần Thị H1 vay tài sản. Khi vay vợ chồng ông L bà H1 có ký xác nhận vào “Giấy mượn nợ” với số tiền 207.000.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu đồng) và xác định thời hạn trả nợ là ngày 31/12/2021. Trong “Giấy mượn nợ” các bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên các bên có thỏa thuận bằng lời nói về việc trả lãi, cụ thể cứ

1.000.000 đồng tiền vay gốc thì một ngày phải trả tiền lãi 2000 đồng. Thực tế sau khi viết “Giấy mượn nợ”, ông L bà H1 không trả bất cứ khoản tiền nào.

Bà yêu cầu vợ chồng ông L bà H1 phải trả cho bà tiền gốc 207.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền vay gốc từ ngày 30/12/2020 (âm lịch) cho đến khi vợ chồng ông L bà H1 thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

Theo các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Hà Văn L trình bày:

Ông làm nghề thầu công xây dựng công trình dân dụng, vì cần vốn làm ăn nên vào năm 2016 vợ chồng ông có vay của bà D số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất là 2.400.000 đồng/tháng. Năm 2018 vợ chồng ông vay tiếp của bà D số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất 5.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng ông có chơi 4 dây hụi do bà D làm chủ hụi. Vợ chồng ông đã trả lãi đầy đủ cho bà D cho đến giữa năm 2019, do dịch bệnh Covid 19, công trình không thi công được nên vợ chồng ông không có tiền trả cho bà D (tiền gốc và tiền lãi). Sau nhiều lần bà D đòi nợ, vào ngày 30/12/2020 âm lịch, vợ chồng ông đã ký vào “Giấy mượn nợ” với số tiền 207.000.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu đồng) là tổng cộng tiền gốc và tiền lãi, trong đó tiền gốc vay 02 lần là 80.000.000 đồng, tiền hụi 04 chân hụi là 40.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai chục triệu đồng), còn tiền lãi là 87.000.000 đồng (tám mươi bảy triệu đồng).

Ngoài khoản vay 207.000.000 đồng, ông xác định giữa ông và bà D không có khoản vay nào khác. Trước khi ký tên vào “Giấy mượn nợ”, ông không có chứng cứ gì thể hiện trước đó ông và bà D chơi hụi.

Nay bà D yêu cầu vợ chồng ông trả tiền gốc 207.000.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu đồng) và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30/12/2020 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử thì ông không đồng ý. Ông xác định vợ chồng ông chỉ nợ bà D 120.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho bà D 120.000.000 đồng và đồng ý trả lãi 10%/năm đối với số tiền 120.000.000 đồng từ ngày 30 tháng 12 năm 2020 âm lịch đến nay.

Bị đơn bà Trần Thị H1 vắng mặt. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 11 tháng 5 năm 2022 bà H1 trình bày:

Bà là vợ của ông Hà Văn L. Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày và ý kiến của ông L đối với yêu cầu của bà D.

Theo Bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H2 trình bày:

Ông là chồng của bà Hoàng Ngọc Thùy D. Việc bà D cho vợ chồng ông L bà H1 vay tiền thì ông không biết. Ông xác định số tiền 207.000.000 đồng mà bà D cho vợ chồng ông L bà H1 vay là tài sản riêng của bà D. Ông không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền này.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị H1 vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bà H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Hoàng Ngọc Thùy D yêu cầu vợ chồng ông Hà Văn L bà Trần Thị H1 trả số tiền còn nợ và tiền lãi theo “Giấy mượn nợ” ngày 30/12/2020 (âm lịch) nên đây là tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại thôn Bình An, xã Nhơn Hạnh, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị H1 vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bà D và vợ chồng ông L bà H1 là những chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện tham gia vào quan hệ vay tài sản và xác lập hợp đồng vay tài sản theo nội dung “Giấy mượn nợ” ngày 30/12/2020 (âm lịch) với số tiền vay 207.000.000 đồng, có thỏa thuận bằng lời nói về lãi suất vay. Do đó hợp đồng vay tài sản giữa bà D và vợ chồng ông L bà H1 làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa bên cho vay và bên vay.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà D thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay theo quy định tại Điều 465 của Bộ luật Dân sự nhưng vợ chồng ông L bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình. Theo nội dung “Giấy mượn nợ”, bà D xác định hiện nay vợ chồng ông L bà H1 còn nợ 207.000.000

đồng. Ông L bà H1 cho rằng chỉ nợ bà D 120.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh và bà D cũng không thừa nhận nên theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của ông L bà H1 là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định hiện nay vợ chồng ông L bà H1 còn nợ bà D số tiền 207.000.000 đồng.

[5] Nội dung “Giấy mượn nợ” các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi. Nhưng các bên có thỏa thuận về lời nói về việc trả lãi đối với số tiền 207.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà D và vợ chồng ông L bà H1 là hợp đồng vay có lãi.

[6] Tại thời điểm mở phiên tòa là quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại “Giấy mượn nợ” nhưng vợ chồng ông L bà H1 không trả tiền vay cho bà D. Bà D yêu cầu vợ chồng ông L bà H1 phải trả 270.000.000 đồng tiền vay gốc là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên yêu cầu của bà D là có căn cứ chấp nhận.

[7] Bà D yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ gốc 207.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà D xác định mức lãi suất là 10%/năm, thời hạn tính lãi từ ngày 30/12/2020 (âm lịch) cho đến khi vợ chồng ông L bà H1 thanh toán xong toàn bộ số nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Tại thời điểm mở phiên tòa, số tiền lãi theo yêu cầu của bà D được tính như sau:

Từ ngày 30/12/2020 (âm lịch), tức là ngày 01/02/2021 dương lịch đến ngày 11/5/2022 là 464 ngày, số tiền lãi được tính:

$$\frac{207.000.000 \times 464 \times 10\%}{365} \approx 26.314.521 \text{ đồng.}$$

Như vậy cả tiền gốc và tiền lãi buộc vợ chồng ông L bà H1 hải trả cho bà D là: 207.000.000 đồng + 26.314.521 đồng = 233.314.521.

[8] Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vợ chồng ông L bà H1 phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu của bà D được Tòa án chấp nhận. Án phí của vợ chồng ông L bà H1 được tính: $233.314.521 \times 5\% = 11.666.000$ đồng.

[9] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Ngọc Thùy D. Buộc vợ chồng ông Hà Văn L bà Trần Thị H1 phải trả cho bà Hoàng Ngọc Thùy D số tiền 207.000.000 đồng (Hai trăm linh bảy triệu đồng) tiền gốc và 26.314.521 đồng (hai mươi sáu triệu ba trăm mười bốn ngàn năm trăm hai mươi một đồng) tiền lãi, tổng cộng là 233.314.521 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm mười bốn ngàn năm trăm hai mươi một đồng).

2. Kể từ sau ngày 11 tháng 5 năm 2022 cho đến khi bà D nhận lại toàn bộ số tiền cho vay gốc còn nợ, vợ chồng ông L bà H1 còn phải trả tiền lãi trên nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Hà Văn L bà Trần Thị H1 phải chịu 11.666.000 đồng (mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Hoàng Ngọc Thùy D 2.588.000 đồng (Hai triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005086 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- CC THADS thị xã A;
- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh